

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ các tuyến đường quốc lộ năm 2025, 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Xây dựng quản lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chính Phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 76/TTr-SoXD ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Tờ trình số 82/TTr-SoXD ngày 29 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ các tuyến đường quốc lộ năm 2025, 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Xây dựng quản lý, với nội dung như sau:

I. Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường quốc lộ năm 2026

- Tên công việc thực hiện: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường quốc lộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Sửa chữa định kỳ đường quốc lộ năm 2025, 2026

1. Năm 2025:

- Quốc lộ 51:

a) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn từ Km0+000 đến Km5+300.

b) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn từ Km5+300 đến Km9+200.

c) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 các đoạn: Km10+200 đến Km12+000; Km14+000 đến Km16+000.

d) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn từ Km20+000 đến Km24+400.

2. Năm 2026:

a) Quốc lộ 1: Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km1851+714 - Km1855+545.

b) Quốc lộ 20: Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường các đoạn: Km2+000 đến Km3+000; Km6+200 đến Km8+000; Km9+000 đến Km10+000; Km16+500 đến Km18+800; Km21+000 đến Km22+000; Km30+000 đến Km31+000; Km34+300 đến Km34+800; Km39+500 đến Km41+500; Km42+800 đến Km44+800; Km70+500 đến 71+400.

c) Quốc lộ 51:

- Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 các đoạn: Km9+200 đến Km10+200; Km12+000 đến Km14+000.

- Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km16+000 đến Km20+000.

- Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km24+400 đến Km37+402.

- Sửa chữa khe co giãn 04 cầu (Nước Trong, Suối Cả, Quán Tre, Bản 2); Cải tạo hệ thống thoát nước dọc; đóng các điểm mở dải phân cách giữa và dải phân cách biên.

d) Quốc lộ 56: Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo quy chuẩn QCVN 41:2024/BGTVT các đoạn: Km00+000 - Km00+100 (T); Km10+000 - Km10+500 (T+P); Km15+000 - Km18+020 (T+P)

III. Kinh phí, thời gian thực hiện:

1. Tổng kinh phí dự kiến: 665,826 tỷ đồng.

a) Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026: 15,255 tỷ đồng, trong đó:

- Quốc lộ 1, QL 20 và QL56: 6,985 tỷ đồng.

- Quốc lộ 51: 6,151 tỷ đồng.

- Quốc lộ 13, 14C: 2,119 tỷ đồng.

b) Sửa chữa định kỳ: 650,571 tỷ đồng, trong đó:

- Năm 2025 : 274,104 tỷ đồng.

+ Quốc lộ 51 : 274,104 tỷ đồng.

- Năm 2026 : 376,467 tỷ đồng.

+ Quốc lộ 1 : 28,587 tỷ đồng.

+ Quốc lộ 20 : 26,272 tỷ đồng.

+ Quốc lộ 51 : 301,022 tỷ đồng.

+ Quốc lộ 56 : 20,586 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp giao thông của tỉnh và nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ về cho địa phương đối với các dự án chuyển tiếp.

3. Đơn vị thực hiện: Sở Xây dựng.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2025, 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN. Dự

<D:\2025\Duytu2025\KH duy tu QL 2025,2026>

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà

PHỤ LỤC
Kèm theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh



TT	Hàng mục công trình	Quy mô, giải pháp và Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG: (I) + (II)		665,826			Kinh phí đề xuất chỉ là dự kiến, sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập dự án.
I	Công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên		15,255			
1	Quốc lộ 1, QL 20 và QL56	Quản lý, bảo dưỡng	6,985	2026		Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch đã được Bộ Xây dựng phê duyệt; Phụ bản Hợp đồng số 399/2025/PBHD-KQLĐBIV ngày 27/6/2025 giữ Khu QLĐB IV và Sở Xây dựng.
2	Quốc lộ 51		6,151	2026		Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch đã được Bộ Xây dựng phê duyệt; Phụ bản Hợp đồng số 396/2025/PBHD-KQLĐBIV ngày 27/6/2025 giữ Khu QLĐB IV và Sở Xây dựng.
3	Quốc lộ 13 và QL14C		2,119	2026		Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1379/QĐ-CĐBVN ngày 04/03/2024 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt giá dịch vụ sự nghiệp công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dịch vụ Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến QL.13 và QL.14C thuộc địa phận tỉnh Bình Phước (cũ)
II	Sửa chữa định kỳ:	(II.1)+(II.2)	650,571			

II.1	Năm 2025		274,104			
1	Quốc lộ 51	(a)+(b)+(c)	274,104			
	a) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km0+000 đến Km5+300;		71,383	2025		- Mặt đường đưa vào khai thác từ năm 2012 đến nay chưa được trung tu, nền mặt đường xuất hiện nhiều hư hỏng: Mặt đường bị rạn nứt nặng, rạn nứt mai rùa, hằn lún vết bánh xe; nhiều đoạn bị oằn lún nặng gây ảnh hưởng đến kết cấu phần móng (đặc biệt tại phạm vi các nút giao), - Lý trình cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập dự án; không bao gồm khối lượng đã được Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km0+900 – Km1+300 (T), Km1+600 – Km2+200 (T), Km3+000 – Km4+500 (T), Km3+200 – Km3+700 (P), Km4+000 – Km4+450 (P), Km11+500 – Km11+600 (P), Km11+670 – Km11+800 (T), Km17+400 – Km18+250 (T), Km20+500 – Km20+700 (T) và sửa chữa mặt đường BTXM trạm thu phí T1, QL.51 (Văn bản số 1749/BGTVT-KCHT ngày 20/2/2025 của Bộ Giao thông vận tải nay là Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2025 (lần 2)); và các vị trí giao thuộc dự án khác đang triển khai (25B; 25C; Bến Lức - Long Thành,...)
	b) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km5+300 đến Km9+200.		66,622	2025	rất cần thiết	
	c) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 các đoạn: Km10+200 đến Km12+000; Km14+000 đến Km16+000.	- Đối với mặt đường rạn nứt mai rùa, lảo hóa như: Cào bóc mặt đường hư hỏng cục bộ, thâm lại 1 hoặc 2 lớp BTN; - Đối với các đoạn hư hỏng kết cấu nền: Đào xử lý nền, mặt đường; - Hoàn thiện hệ thống ATGT	64,914	2025	rất cần thiết	
	d) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km20+000 đến Km24+400.		71,185	2025	rất cần thiết	
II.2	Năm 2026	(1)+(2)+(3)+(4)	376,467			
1	Quốc lộ 1 (từ Km1851+714 đến Km1871+150)		28,587			

	a) Sửa chữa hư hỏng mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km1851+714 - Km1855+545;	- Đồi với mặt đường rạn nứt mai rữa, lão hóa như: Cao bóc mặt đường hư hỏng cục bộ, thâm lại 1 hoặc 2 lớp BTN; - Đồi với các đoạn hư hỏng kết cấu nền: Đào xử lý nền, mặt - Hoàn thiện hệ thống ATGT	28,587	2026	rất cần thiết	Mặt đường đưa vào khai thác từ năm 2009; đã phát sinh tình trạng rạn nứt mai rữa, rạn nứt, lớp bê tông nhựa bị bảo mòn, bong tróc; tại các vị trí giao xuất hiện tình trạng hằn lún vết bánh xe, rạn nứt nặng.
2	Quốc lộ 20 a) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường các đoạn: Km2+000 đến Km3+000; Km6+200 đến Km8+000; Km9+000 đến Km10+000; Km16+500 đến Km18+800; Km21+000 đến Km22+000; Km30+000 đến Km31+000; Km34+300 đến Km34+800; Km39+500 đến Km41+500; Km42+800 đến Km44+800; Km70+500 đến 71+400.	nt	26,272	2026	rất cần thiết	Mặt đường đưa vào khai thác từ năm 2015; hiện nay một số đoạn trên tuyến, mặt đường đã xuất hiện tình trạng rạn nứt mai rữa, tại các vị trí giao xuất hiện tình trạng hằn lún vết bánh xe, rạn nứt nặng.
3	Quốc lộ 51 a) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 các đoạn: Km9+200 đến Km10+200; Km12+000 đến Km14+000. b) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km16+000 đến Km20+000. c) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo QCVN 41:2024 đoạn Km24+400 đến Km37+402.	(a)+(b)+(c)+(d) - Đồi với mặt đường rạn nứt mai rữa, lão hóa như: Cao bóc mặt đường hư hỏng cục bộ, thâm lại 1 hoặc 2 lớp BTN; - Đồi với các đoạn hư hỏng kết cấu nền: Đào xử lý nền, mặt - Hoàn thiện hệ thống ATGT	301,022			
			45,513	2026	rất cần thiết	- Mặt đường đưa vào khai thác từ năm 2012 đến nay chưa được trung tu, nền mặt đường xuất hiện nhiều hư hỏng: Mặt đường bị rạn nứt nặng, rạn nứt mai rữa, hằn lún vết bánh xe; nhiều đoạn bị oằn lún nặng gây ảnh hưởng đến kết cấu phần móng (đặc biệt tại phạm vi các nút giao), (đồi với Đoạn từ Km0+000 đến Km5+300, hiện nay đã được đề xuất trong Dự án đường trên cao dọc QL51, đoạn từ ngã tư Vũng Tàu đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp.)
			55,202	2026	rất cần thiết	- Lý trình cụ thể sẽ được xác định trong quá trình lập dự án; không bao gồm khối lượng đã được Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa hư hỏng mặt đường các đoạn Km0+900 – Km1+300 (T), Km1+600 – Km2+200 (T), Km3+000 – Km4+500 (T), Km3+200 – Km3+700 (P), Km4+000 – Km4+450 (P),
			184,869	2026	rất cần thiết	

	d) Sửa chữa khe co giãn 04 cầu (Nước Trong, Suối Cả, Quán tre, Bàn 2); Cải tạo hệ thống thoát nước dọc; Đóng các điểm mở DPC giữa và DPC biên.		15,438	2026	rất cần thiết	Km11+500 – Km11+600 (P), Km11+670 – Km11+800 (T), Km17+400 – Km18+250 (T), Km20+500 – Km20+700 (T) và sửa chữa mặt đường BTXM trạm thu phí T1, QL.51; các vị trí giao thuộc dự án khác đang triển khai (25B; 25C; Bến Lức - Long Thành...)
4	Quốc lộ 56		20,586			
	a) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT theo quy chuẩn QCVN 41:2024/BGTVT đoạn Km00+000 - Km00+100 (T); Km10+000 - Km10+500 (T+P); Km15+000 - Km18+020 (T+P);	nt	20,586	2026	rất cần thiết	Mặt đường đưa vào khai thác từ năm 2009; đã phát sinh tình trạng rạn nứt mai rùa, rạn nứt, lớp bê tông nhựa bị bào mòn, bong tróc; tại các vị trí nút giao xuất hiện tình trạng hằn lún vết bánh xe, rạn nứt nặng.